

CHÍNH PHỦ**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 02/2003/
NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát
triển và quản lý chợ.****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 10 tháng 5 năm 1997;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại,

NGHỊ ĐỊNH:**Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh.**

1. Nghị định này quy định về phát triển và quản lý chợ, áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động về chợ, bao gồm các lĩnh vực: quy hoạch phát triển mạng lưới chợ; đầu tư xây dựng mới và sửa chữa, cải tạo nâng cấp chợ; hoạt động kinh doanh khai thác và quản lý chợ; kinh doanh mua bán hàng hóa tại chợ.

2. Chợ được điều chỉnh trong Nghị định này là loại chợ mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch, đáp ứng các nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa và nhu cầu tiêu dùng của khu vực dân cư.

3. Các loại: siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm giao dịch mua bán hàng hóa, bao gồm cả siêu thị, trung tâm thương mại có vốn đầu tư nước ngoài, không thuộc đối tượng điều chỉnh Nghị định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

Một số từ ngữ sử dụng trong Nghị định này được hiểu như sau:

1. *Phạm vi chợ*: là khu vực được quy hoạch dành cho hoạt động chợ, bao gồm diện tích để bố trí các điểm kinh doanh, khu vực dịch vụ (như: bãi để xe, kho hàng, khu ăn uống, vui chơi giải trí và các dịch vụ khác) và đường bao quanh chợ.

2. *Chợ đầu mối*: là chợ có vai trò chủ yếu thu hút, tập trung lượng hàng hóa lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác.

3. *Chợ kiên cố*: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng trên 10 năm.

4. *Chợ bán kiên cố*: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng từ 5 đến 10 năm.

5. *Điểm kinh doanh tại chợ*: bao gồm quầy hàng, sạp hàng, ki-ốt, cửa hàng được bố trí cố định trong phạm vi chợ theo thiết kế xây dựng chợ, có diện tích quy chuẩn tối thiểu là 3m²/điểm.

Điều 3. Phân loại chợ.

1. Tất cả các chợ đều phải được phân loại theo tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Tiêu chuẩn phân loại chợ:**a) Chợ loại 1:**

- Là chợ có trên 400 điểm kinh doanh, được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại theo quy hoạch;

- Được đặt ở các vị trí trung tâm kinh tế thương mại quan trọng của tỉnh, thành phố hoặc là chợ đầu mối của ngành hàng, của khu vực kinh tế và được tổ chức họp thường xuyên;

- Có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động của chợ và tổ chức đầy đủ các dịch vụ tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường, dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và các dịch vụ khác.

b) Chợ loại 2:

- Là chợ có trên 200 điểm kinh doanh, được

dầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy hoạch;

- Được đặt ở trung tâm giao lưu kinh tế của khu vực và được tổ chức họp thường xuyên hay không thường xuyên;

- Có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ và tổ chức các dịch vụ tối thiểu tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường.

c) Chợ loại 3:

- Là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh hoặc các chợ chưa được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố.

- Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua bán hàng hóa của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

Chương II

QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHỢ

Điều 4. Quy hoạch phát triển chợ.

1. Chợ là một bộ phận quan trọng trong tổng thể kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; từ nay trở đi Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ của địa phương phải bao gồm Quy hoạch phát triển chợ. Quy hoạch phát triển chợ phải lập theo các nguyên tắc tại khoản 2 Điều này và được cơ quan có thẩm quyền theo quy định phê duyệt và chỉ đạo thực hiện.

2. Các nguyên tắc lập Quy hoạch phát triển chợ:

a) Phải hình thành hệ thống mạng lưới chợ với quy mô khác nhau phù hợp với dung lượng hàng hóa lưu thông trên địa bàn, góp phần phát triển sản xuất và đẩy mạnh giao lưu hàng hóa; chú trọng phát triển chợ ở các vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo gắn với yêu cầu giao lưu văn hóa của đồng bào các dân tộc.

b) Phát triển các chợ đầu mối theo ngành hàng, đặc biệt là các chợ đầu mối nông sản, thực

phẩm để góp phần đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa ở những vùng sản xuất tập trung về nông, lâm, thủy sản.

c) Quy hoạch phát triển chợ phải đồng bộ với quy hoạch xây dựng các khu dân cư, các công trình giao thông, điện, cấp thoát nước và các công trình công cộng khác, bảo đảm vệ sinh môi trường; đối với các chợ loại 1 và 2 phải bố trí đầy đủ mặt bằng phạm vi chợ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

3. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa lớn, nâng cấp chợ phải thực hiện theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt.

Điều 5. Đầu tư xây dựng chợ.

1. Nguồn vốn đầu tư xây dựng chợ bao gồm: nguồn vốn của các doanh nghiệp, cá nhân sản xuất kinh doanh và của nhân dân đóng góp; nguồn vốn vay tín dụng; nguồn vốn đầu tư phát triển của Nhà nước, trong đó chủ yếu là nguồn vốn của các doanh nghiệp, cá nhân sản xuất kinh doanh và nguồn vốn vay tín dụng.

2. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân và các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đầu tư hoặc góp vốn cùng Nhà nước đầu tư xây dựng các loại chợ.

3. Nguồn vốn đầu tư phát triển của Nhà nước (bao gồm vốn từ ngân sách trung ương, địa phương và các nguồn viện trợ không hoàn lại) chỉ hỗ trợ đầu tư xây dựng một số chợ sau:

a) Chợ đầu mối chuyên ngành nông sản, thực phẩm để tiêu thụ hàng hóa ở các vùng sản xuất tập trung về nông, lâm, thủy sản.

b) Chợ ở các cụm xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa, hải đảo thuộc các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, định canh định cư của Nhà nước.

c) Chợ loại 1 theo quy hoạch ở vị trí trọng điểm về kinh tế thương mại của tỉnh, thành phố, làm trung tâm giao lưu hàng hóa và phục vụ nhu cầu tiêu dùng ở các thành phố, thị xã lớn.

4. Chủ đầu tư xây dựng chợ thuộc các thành

phần kinh tế được hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư dành cho ngành nghề thuộc khoản 5 Mục II Danh mục A (đầu tư xây dựng các khu thương mại, siêu thị) của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi).

5. Chủ đầu tư xây dựng chợ được quyền:

a) Huy động vốn để xây dựng chợ trên cơ sở thỏa thuận với thương nhân đăng ký sử dụng hoặc thuê điểm kinh doanh tại chợ và các nguồn vốn khác của nhân dân đóng góp theo quy định của pháp luật và hướng dẫn cụ thể của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân tỉnh).

b) Sử dụng quyền sử dụng đất và các công trình trong phạm vi chợ thuộc quyền sử dụng của mình để thế chấp vay vốn tín dụng ngân hàng theo quy định hiện hành để đầu tư sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp chợ.

Điều 6. Quy định về Dự án đầu tư xây dựng chợ và bố trí các công trình trong phạm vi chợ.

1. Chủ đầu tư xây dựng chợ mới hoặc sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp chợ phải lập Dự án theo các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng và được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

2. Việc bố trí các công trình trong phạm vi chợ của Dự án đầu tư xây dựng chợ phải thực hiện đúng các quy trình quy phạm về xây dựng chợ, trong đó chú trọng các quy định sau:

a) Bố trí đầy đủ mặt bằng và các trang thiết bị phục vụ cho công tác phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

b) Bố trí các công trình cấp thoát nước, khu vệ sinh công cộng, các thiết bị chiếu sáng, thông gió, bảo đảm vệ sinh môi trường trong phạm vi chợ theo các tiêu chuẩn quy định.

c) Bố trí khu để xe có diện tích phù hợp với dung lượng người vào chợ bảo đảm trật tự an toàn và thuận tiện cho khách.

d) Đối với các chợ loại 1, loại 2 và các chợ đầu mối chuyên ngành phải bố trí khu kho bảo quản, cất giữ hàng hóa, phù hợp với các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, quy mô và tính chất của chợ.

Chương III

KINH DOANH KHAI THÁC VÀ QUẢN LÝ CHỢ

Điều 7. Quy định về kinh doanh khai thác và quản lý chợ.

1. Chợ do Nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng theo khoản 3 Điều 5 Nghị định này được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các chủ thể tổ chức kinh doanh khai thác và quản lý các hoạt động tại chợ theo các quy định sau:

a) Đối với chợ xây dựng mới, giao hoặc tổ chức đấu thầu để lựa chọn doanh nghiệp kinh doanh khai thác và quản lý chợ. Doanh nghiệp kinh doanh khai thác và quản lý chợ hoạt động theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

b) Đối với chợ đang hoạt động do Ban quản lý chợ điều hành, từng bước chuyển sang thực hiện theo quy định tại điểm a trên đây. Ban quản lý chợ hoạt động theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

c) Đối với chợ ở các cụm xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa, hải đảo nêu tại điểm c khoản 3 Điều 5 Nghị định này, có thể giao cho doanh nghiệp là Hợp tác xã thương mại - dịch vụ tổ chức kinh doanh khai thác và quản lý chợ.

2. Trường hợp chợ do Nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng có vốn đóng góp của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ mức độ, tỷ lệ góp vốn để lựa chọn chủ thể kinh doanh khai thác và quản lý chợ (Ban quản lý chợ, doanh nghiệp, Hợp tác xã thương mại - dịch vụ hoặc thành lập công ty cổ phần theo quy định của pháp luật). Phương thức lựa chọn chủ thể theo quy định tại khoản 2 Điều này.

3. Chợ do các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình,

doanh nghiệp các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng do các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp đó tổ chức kinh doanh khai thác và quản lý chợ dưới hình thức doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và theo các quy định về doanh nghiệp kinh doanh khai thác chợ tại Điều 9 Nghị định này.

Điều 8. Ban quản lý chợ.

1. Ban quản lý chợ là đơn vị sự nghiệp có thu, tự trang trải các chi phí, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước.

2. Ban quản lý chợ có trách nhiệm quản lý tài sản nhà nước và các hoạt động trong phạm vi chợ của một hoặc một số chợ; thực hiện ký hợp đồng với thương nhân về thuê, sử dụng điểm kinh doanh; kinh doanh các dịch vụ tại chợ; tổ chức bảo đảm công tác phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự và an toàn thực phẩm trong phạm vi chợ; xây dựng Nội quy của chợ theo quy định tại Điều 10 Nghị định này để trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phân cấp quản lý chợ; tổ chức thực hiện Nội quy chợ và xử lý các vi phạm về Nội quy chợ; điều hành chợ hoạt động và tổ chức phát triển các hoạt động tại chợ; tổng hợp tình hình hoạt động kinh doanh của chợ và báo cáo định kỳ cho các cơ quan quản lý nhà nước theo hướng dẫn của Bộ Thương mại.

Điều 9. Doanh nghiệp kinh doanh khai thác và quản lý chợ.

Doanh nghiệp kinh doanh khai thác và quản lý chợ là doanh nghiệp được thành lập, đăng ký kinh doanh và hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy định dưới đây:

1. Tổ chức kinh doanh các dịch vụ tại chợ.
2. Bảo đảm công tác phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự và an toàn thực phẩm trong phạm vi chợ.
3. Xây dựng Nội quy chợ theo quy định tại Điều 10 Nghị định này để trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phân cấp quản

lý chợ; tổ chức điều hành chợ hoạt động theo Nội quy chợ và xử lý các vi phạm về Nội quy chợ.

4. Bố trí, sắp xếp các khu vực kinh doanh bảo đảm các yêu cầu về trật tự, vệ sinh, văn minh thương mại và phù hợp với yêu cầu của thương nhân kinh doanh tại chợ.

5. Ký hợp đồng với các thương nhân về việc thuê, sử dụng điểm kinh doanh tại chợ và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức thông tin kinh tế, phổ biến chính sách, quy định của pháp luật và nghĩa vụ đối với Nhà nước của thương nhân kinh doanh tại chợ theo hướng dẫn của các cơ quan chức năng.

7. Tổng hợp tình hình hoạt động kinh doanh của chợ và báo cáo định kỳ cho các cơ quan quản lý nhà nước theo hướng dẫn của Bộ Thương mại.

Điều 10. Nội quy chợ.

1. Tất cả các chợ đều phải có Nội quy chợ để áp dụng trong phạm vi chợ. Nội quy chợ được xây dựng trên cơ sở các quy định của Nghị định này và các quy định hiện hành của pháp luật, bao gồm những nội dung chính sau đây:

- a) Quyền và nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh tại chợ.
- b) Quy định về hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ.
- c) Quy định về người đến giao dịch, mua bán tại chợ.
- d) Quy định về bảo đảm an toàn phòng cháy chữa cháy.
- đ) Quy định về bảo đảm an ninh, trật tự tại chợ.
- e) Quy định về bảo đảm vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm.
- g) Yêu cầu về xây dựng chợ văn minh thương mại.
- h) Yêu cầu về tổ chức, tham gia các hoạt động văn hóa, xã hội tại chợ.
- i) Quy định về xử lý các vi phạm tại chợ.

2. Nội quy chợ phải được niêm yết công khai, rõ ràng trong phạm vi chợ và phải được phổ biến đến mọi thương nhân kinh doanh tại chợ.

3. Mọi tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa và các dịch vụ trong phạm vi chợ đều phải chấp hành Nội quy chợ.

4. Bộ Thương mại ban hành Nội quy mẫu để thống nhất việc xây dựng Nội quy chợ và áp dụng cho tất cả các chợ. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm quy định cụ thể các điều khoản trong Nội quy mẫu để phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

Điều 11. Quản lý điểm kinh doanh tại chợ.

1. Điểm kinh doanh tại chợ bao gồm những loại sau:

a) Loại giao cho thương nhân sử dụng kinh doanh trong trường hợp có hợp đồng góp vốn ứng trước để đầu tư xây dựng chợ hoặc trả tiền sử dụng một lần trong một thời hạn nhất định sau khi chợ được xây dựng xong.

b) Loại cho thương nhân thuê để kinh doanh.

2. Ban quản lý chợ hoặc doanh nghiệp kinh doanh khai thác chợ phải:

a) Lập phương án bố trí, sắp xếp ngành nghề kinh doanh, sử dụng điểm kinh doanh tại chợ, trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Thực hiện quy định về đấu thầu khi số lượng thương nhân đăng ký sử dụng hoặc thuê vượt quá số lượng điểm kinh doanh có thể bố trí tại chợ theo phương án được duyệt.

c) Ký hợp đồng với thương nhân sử dụng hoặc thuê địa điểm kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể việc sử dụng, thuê, thời hạn và các biện pháp quản lý địa điểm kinh doanh tại chợ phù hợp với tính chất từng loại chợ và tình hình cụ thể của địa phương.

Điều 12. Quy định về hoạt động kinh doanh tại chợ.

1. Thương nhân có đăng ký kinh doanh ngành nghề phù hợp với phạm vi ngành nghề của từng loại chợ đều được quyền vào chợ kinh doanh sau khi có hợp đồng sử dụng điểm kinh doanh hoặc hợp đồng thuê điểm kinh doanh tại chợ với Ban quản lý chợ hoặc với doanh nghiệp kinh doanh khai thác và quản lý chợ.

2. Thương nhân kinh doanh tại chợ phải thực hiện theo phương án bố trí, sắp xếp ngành nghề kinh doanh của chợ.

3. Thương nhân kinh doanh tại chợ ngoài việc chấp hành các quy định của pháp luật còn phải nghiêm chỉnh thực hiện Nội quy chợ và chịu sự quản lý của Ban quản lý chợ hoặc của doanh nghiệp kinh doanh khai thác và quản lý chợ.

4. Thương nhân được sang nhượng điểm kinh doanh hoặc cho thương nhân khác thuê lại điểm kinh doanh đang còn trong thời hạn hợp đồng.

5. Thương nhân có điểm kinh doanh tại chợ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định này được sử dụng điểm kinh doanh để thế chấp vay vốn kinh doanh tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.

6. Những người thuộc diện sản xuất nhỏ, tự tiêu thụ sản phẩm của mình (nông dân, thợ thủ công...) và những người buôn bán nhỏ, hàng rong, quà vật được bố trí bán hàng trong chợ ở khu vực riêng dành cho người kinh doanh không thường xuyên tại chợ và phải chấp hành Nội quy chợ.

7. Về hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ:

Hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ là hàng hóa, dịch vụ không thuộc danh mục pháp luật cấm kinh doanh và không thuộc các loại sau đây:

a) Hàng hóa có chứa chất phóng xạ và thiết bị phát bức xạ i-on hóa.

b) Các loại vật liệu nổ, các loại chất lỏng dễ gây cháy nổ như xăng dầu (trừ dầu hỏa thấp sáng), khí đốt hóa lỏng (gas), các loại khí nén.

c) Các loại thuốc bảo vệ thực vật thuộc danh mục hạn chế kinh doanh.

d) Các loại hóa chất độc hại thuộc danh mục kinh doanh có điều kiện.

Để bảo đảm trật tự và văn minh thương mại, hàng hóa kinh doanh tại chợ cần được sắp xếp theo ngành hàng, nhóm hàng và không bố trí gần nhau các loại hàng hóa có ảnh hưởng xấu đến nhau.

8. Xử lý các vi phạm tại chợ:

a) Các vi phạm pháp luật tại chợ được xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật.

b) Các vi phạm nội quy chợ do Ban quản lý chợ hoặc doanh nghiệp kinh doanh khai thác chợ xử lý theo quy định về Nội quy chợ.

Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHỢ

Điều 13. Nội dung quản lý nhà nước về chợ.

1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch, phương hướng phát triển chợ từng thời kỳ phù hợp với quy hoạch, kế hoạch, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội ở từng địa phương, khu vực, đáp ứng nhu cầu của sản xuất, lưu thông hàng hóa và tiêu dùng của nhân dân.

2. Ban hành các chính sách về đầu tư, xây dựng, khai thác và quản lý hoạt động chợ.

3. Quản lý các chợ do Nhà nước đầu tư xây dựng theo quy định về phân cấp quản lý.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn các Ban quản lý chợ, doanh nghiệp kinh doanh khai thác và quản lý chợ về chính sách, nghiệp vụ quản lý chợ.

5. Tổ chức công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và luật pháp của Nhà nước cho mọi người trong phạm vi chợ.

6. Tổ chức kiểm tra, khen thưởng và xử lý các vi phạm về hoạt động chợ.

Điều 14. Trách nhiệm của các Bộ, ngành.

1. Bộ Thương mại:

a) Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu trình Chính phủ ban hành, sửa đổi,

bổ sung các chính sách và phương hướng về phát triển và quản lý hoạt động chợ.

b) Chủ trì phối hợp với Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý chợ theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

c) Ban hành Nội quy chợ mẫu và các văn bản hướng dẫn về quản lý hoạt động kinh doanh chợ.

d) Quy định cụ thể và hướng dẫn chế độ báo cáo hoạt động chợ.

đ) Chỉ đạo việc tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ quản lý chợ.

e) Chỉ đạo việc khen thưởng, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật và Nội quy chợ.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Hướng dẫn và chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng quy hoạch phát triển và đầu tư xây dựng chợ theo các quy định tại Chương II Nghị định này.

b) Hướng dẫn và chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch hàng năm và xem xét, trình Chính phủ phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng các chợ do Nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ vốn đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

c) Hướng dẫn và chỉ đạo thực hiện các chính sách về ưu đãi đối với các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng chợ theo quy định của Nghị định này.

3. Bộ Tài chính:

Hướng dẫn cơ chế tài chính áp dụng cho Ban quản lý chợ, doanh nghiệp kinh doanh khai thác chợ theo quy định tại Nghị định này.

4. Các Bộ, ngành và các cơ quan nhà nước khác có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện các quy định có liên quan tại Nghị định này.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp.

Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo việc lập Quy hoạch phát triển chợ, quản lý

đầu tư xây dựng chợ theo phân cấp về đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chợ và các quy định sau:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định giao hoặc tổ chức đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp kinh doanh khai thác chợ.

b) Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Ban quản lý chợ đối với những chợ loại 1 (do Nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng) đang hoạt động do Ban quản lý chợ điều hành.

c) Quy định cụ thể việc sử dụng, thuê điểm kinh doanh tại chợ theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.

d) Quy định cụ thể Nội quy chợ trên cơ sở Nội quy mẫu do Bộ Thương mại ban hành và phê duyệt nội quy của các chợ loại 1.

d) Quy định cụ thể việc xử lý vi phạm Nội quy chợ.

2. Ủy ban nhân dân quận, huyện:

a) Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Ban quản lý chợ đối với các chợ loại 2, loại 3 (do Nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng) đang hoạt động do Ban quản lý chợ điều hành.

b) Phê duyệt Nội quy chợ của các chợ loại 2 và 3.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường:

Có trách nhiệm quản lý các chợ loại 3 và phối hợp với các cơ quan cấp tỉnh, huyện quản lý các chợ trên địa bàn.

Chương V

**KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM
VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 16. Khen thưởng.

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng phát triển và quản lý hoạt động chợ được khen thưởng theo quy định của Chính phủ.

Điều 17. Xử lý vi phạm.

Cán bộ, công chức nhà nước; tổ chức, cá nhân kinh doanh và người vào mua bán tại chợ vi phạm các quy định của Nghị định này tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Tổ chức thực hiện.

1. Nghị định này được áp dụng ngay khi có hiệu lực thi hành đối với các chợ mới xây dựng chưa đưa vào hoạt động và các chợ sẽ đầu tư xây dựng hoặc cải tạo, nâng cấp.

2. Đối với các chợ đang hoạt động, giao Bộ Thương mại hướng dẫn và chỉ đạo việc áp dụng các quy định của Nghị định này trên nguyên tắc đảm bảo sự hoạt động ổn định của chợ và từng bước tiến tới thi hành đầy đủ Nghị định này.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh cần tập trung chỉ đạo hoàn thành sớm các công việc sau:

a) Xây dựng, bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch phát triển chợ theo quy định của Nghị định này.

b) Ngăn chặn và chấm dứt tình trạng chợ tự phát sinh hoặc xây dựng không đúng quy hoạch; phải có kế hoạch và biện pháp xóa bỏ các chợ không nằm trong quy hoạch và các chợ tự phát sinh trước hết là các chợ họp trên lòng lề đường, hè phố ảnh hưởng tới an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và trật tự công cộng.

c) Tổ chức thực hiện các quy định tại Điều 7 Nghị định này.

d) Bố trí, sắp xếp cán bộ cho Ban quản lý chợ đối với các chợ đang hoạt động do Ban quản lý chợ điều hành theo hướng dẫn của Bộ Thương mại và Bộ Nội vụ; thực hiện các quy định của Nhà nước về tinh giản biên chế.

4. Bộ Thương mại xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn về tổ chức và quản lý các chợ trên sông, trên biển, chợ biên giới, chợ cửa khẩu và chợ nằm trong khu kinh tế cửa khẩu trên cơ sở các quy định của Nghị định này và các quy định liên quan, phù hợp với những thỏa thuận đã ký với các nước có chung đường biên giới.

Điều 19. Điều khoản thi hành.

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 60 ngày, kể từ ngày ký.

2. Các Bộ, ngành có trách nhiệm quy định tại Điều 15 phải ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định này trong thời hạn quy định.

3. Bãi bỏ các văn bản khác quy định về tổ chức, quản lý chợ của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành trước khi có Nghị định này.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 04/2003/
NĐ-CP ngày 16/01/2003 quy định về
khen thưởng đối với cá nhân, gia
đình, cơ quan, tổ chức có thành
tích trong phòng, chống ma túy.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

1. Nghị định này quy định về khen thưởng đối với cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có thành tích (sau đây viết gọn là đối tượng có thành tích) trong phòng, chống tình trạng nghiện ma túy, tội phạm về ma túy và các hành vi trái phép khác về ma túy.

2. Cá nhân, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế có thành tích trong phòng, chống ma túy trên lãnh thổ Việt Nam được xét khen thưởng theo quy định của Nghị định này.

3. Người cộng tác bí mật với cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy có thành tích thì được xét khen thưởng đặc biệt theo quy định của Nghị định này.

4. Việc khen thưởng đối với cá nhân, đơn vị thuộc cơ quan có chức năng phát hiện, điều tra, thụ lý vụ án tội phạm về ma túy có thành tích thì được xem xét thực hiện theo các quy định khác của pháp luật.

Điều 2.

1. Việc khen thưởng phải bảo đảm dân chủ, chính xác, kịp thời, kết hợp khen thưởng về tinh thần và vật chất nhằm động viên, khuyến khích cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức tham gia phòng, chống tình trạng nghiện ma túy, tội phạm về ma túy và các hành vi trái phép khác về ma túy.

2. Chú trọng khen thưởng đối với các đơn vị cơ sở, cá nhân, tập thể hoạt động trên các lĩnh vực trọng yếu, nguy hiểm trong đấu tranh phòng, chống ma túy.

3. Mỗi hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng.

4. Chỉ xét khen thưởng một lần đối với một thành tích của mỗi đối tượng.